

TTPTQĐ TỈNH QUẢNG NGÃI
TTPTQĐ CNKV TƯ NGHĨA

Số: 24 /CNKV TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tư Nghĩa, ngày 17 tháng 11 năm 2025

V/v xác nhận tình trạng pháp lý về đất, tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, tỷ lệ % đất thu hồi và xác nhận hộ gia đình, cá nhân có đang sử dụng đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ để thực hiện dự án: Bổ sung hạng mục kè về phía thượng lưu của dòng sông suối Tía thuộc dự án: Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía xã Long Hiệp, huyện Minh Long.

Kính gửi: UBND xã Minh Long.

Dự án: Bổ sung hạng mục kè về phía thượng lưu của dòng sông suối Tía thuộc dự án: Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía xã Long Hiệp, huyện Minh Long do Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực Tư Nghĩa) là đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và GPMB công trình. Thời gian qua, đơn vị thực hiện công tác bồi thường đã phối hợp cùng các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện xong công tác khảo sát, kiểm kê cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất bị thu hồi.

Để có cơ sở lập phương án bồi thường, tính toán các khoản hỗ trợ theo quy định cho hộ gia đình, cá nhân, Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực Tư Nghĩa kính đề nghị UBND xã Minh Long kiểm tra, xác nhận một số nội dung cụ thể như sau:

- Xác nhận nguồn gốc đất, tình trạng pháp lý về đất (theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 87 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024);
- Xác nhận tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, tỷ lệ % đất thu hồi (theo quy định Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024);
- Xác nhận hộ gia đình, cá nhân có đang sử dụng đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024);

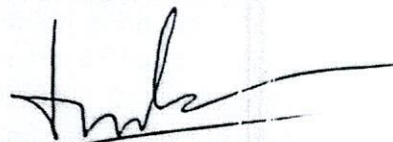
(Có danh sách các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất kèm theo)

Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực Tư Nghĩa kính đề nghị UBND xã Minh Long quan tâm, phối hợp thực hiện./. - 15/6

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Phát triển quỹ đất tỉnh (b/c);
- Ban QLDA ĐTXD KV Minh Long;
- GD, các PGD CNKV Tư Nghĩa;
- Lưu: VT (Năm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ninh



TRUNG TÂM PTQĐ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM PTQĐ CNKV TƯ NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH XÁC NHẬN NGUỒN GỐC ĐẤT, TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP,
CÓ NGUỒN THU NHẬP TỪ SẢN XUẤT TRÊN ĐẤT ĐỎ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1, KHOẢN 2, ĐIỀU 22 NGHỊ ĐỊNH 88/2024/NĐ-CP NGÀY 15/7/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
DỰ ÁN: BỔ SUNG HẠNG MỤC KÊ VẼ PHÍA THƯỢNG LƯU CỦA ĐỒNG SỔNG SUỐI TÁI THUỘC DỰ ÁN: ĐƯỜNG VÀ KÊ CHỐNG SẠT LỖ TỬ XÓM MỚI ĐỀN SUỐI TÁI XÃ LONG HIỆP, HUYỆN MINH LONG**
(Kèm theo Công văn số 211/CNKVTN ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm PTQĐ CNKV Tư Nghĩa)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Thường trú	Giấy CNQSDĐ								Diện tích tăng, giảm so với Giấy CNQSDĐ	Tờ bản đồ địa chính trích đo tỷ lệ 1/1000								Tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, bất thường (m ²)	Nguồn gốc đất	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trên địa bàn xã (m ²)	Tỷ lệ % thu hồi	Hộ gia đình, cá nhân có trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đang sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất đó (có thì ghi là có, không thì ghi là không)	Ghi chú
			Ngày cấp	Số sổ	Số vào sổ	Diện tích	Đất ở	Đất vườn	Đất NN	Loại đất		Tờ bản đồ	Số thửa	DT đo vẽ (m ²)	Diện tích QH (m ²)	DT ngoài QH để nông thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)	Thu hồi	Loại đất						
1	Hộ ông Võ Văn Thông và bà Huỳnh Thị Vang	Thôn 2, xã Minh Long										2	167	1714,4	194,4		1520,0	194,4	CLN	194,4	Đất do cha mẹ ông Thông khai hoang năm 1980 đến năm 1999 cho con là Võ Văn Thông sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
2	Hộ ông Trần Hợi	Thôn 2, xã Minh Long										2	161	855,6	86,4		769,2	86,4	CLN	86,4	Đất do vợ chồng ông Hợi khai hoang năm 1983 sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
3	Hộ ông Đinh Tạ Bôn và bà Đinh Thị Mai Tiêm	Thôn Mai Lành Hạ, xã Sơn Mai										5	545	4047,7	274,2		3773,5	274,2	CLN	274,2	Đất do cha mẹ ông Bôn khai hoang trước năm 1980 đến năm 1988 cho con là Đinh Tạ Bôn sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
4	Hộ ông Đinh Chách và bà Đinh Thị Chim	Thôn Trung Thượng, xã Sơn Mai										5	619	1587,4	759,0		828,4	759,0	CLN	759,0	Khai hoang đất bãi bồi do lũ lụt năm 1999; thời điểm khai hoang sử dụng từ năm 2009, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm). Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.				
5	Hộ ông Đinh Vero và bà Đinh Thị Bơ	Thôn Trung Thượng, xã Sơn Mai										5	620	67,8	67,8		0,0	67,8	CLN	67,8	Khai hoang đất bãi bồi do lũ lụt năm 1999; thời điểm khai hoang sử dụng từ năm 2011, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm). Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.				
6	Hộ ông Đinh Liễu và bà Đinh Thị Miếu	Thôn Trung Thượng, xã Sơn Mai										5	621	1119,3	192,4		926,9	192,4	CLN	192,4	Khai hoang đất bãi bồi do lũ lụt năm 1999; thời điểm khai hoang sử dụng từ năm 2009, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm). Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.				
7	Hộ ông Đinh Đỗ và bà Đinh Thị Hèm	Thôn Trung Thượng, xã Sơn Mai										5	433	114,0	61,3		52,7	61,3	CLN	177,8	Khai hoang đất bãi bồi do lũ lụt năm 1999; thời điểm khai hoang sử dụng từ năm 2009, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm). Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.				
												5	470	265,2	116,5		148,7	116,5	CLN		Khai hoang đất bãi bồi do lũ lụt năm 1999; thời điểm khai hoang sử dụng từ năm 2009, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm). Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.				
8	Hộ ông Đinh Phay và bà Đinh Thị Thiệu	Thôn Hà Liệt, xã Minh Long										5	441	2011,0	1182,7		828,3	1182,7	CLN	1182,7	Đất do cha mẹ ông Phay khai hoang năm 1980 đến năm 1997 cho con là Đinh Phay sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
9	Hộ ông Đinh Tia và bà Đinh Thị Bồi	Thôn Hà Liệt, xã Minh Long										5	444	261,5	210,3	51,2	0,0	261,5	CLN	261,5	Đất do cha mẹ ông Tia khai hoang năm 1980 đến năm 2020 cho con là Đinh Văn Tia sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
10	Hộ ông Đinh Thêm (chết) Vợ: Đinh Thị Kay kế khai	Thôn Hà Liệt, xã Minh Long										5	447	2060,7	842,6		1218,1	842,6	CLN	842,6	Đất do cha mẹ ông Thêm khai hoang năm 1980 đến năm 1986 cho con là Đinh Thêm sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp				
11	Ông: Nguyễn Vũ Hào và bà Đỗ Thị Thủy	Thôn 2, xã Minh Long	21/10/2011	BH 122089	CH 00471	5480,4	400,0		5.080,4	ONT+HNK	0,0	5	100	5480,4	80,9		5399,5	80,9	DNT+HNK	80,9	ONT: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất HNK: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất				
12	Hộ ông: Nguyễn Tấn Tới và bà: Võ Thị Bích Hiệp	Thôn 2, xã Minh Long	08/03/2011	BD 153509	CH05798	3762,9			3762,9	LNK	0,0	5	257	3762,9	616,0		3146,9	616,0	CLN	793,0	Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất				
			20/08/2008	AN 703757	H.02375					LNK		47	1956	282,6	177,0		105,6	177,0	CLN		Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất				

STT	Tên chủ sử dụng đất	Thường trú	Giấy CNQSDĐ							Diện tích tăng, giảm so với Giấy CNQSDĐ	Tờ bản đồ địa chính trích đo tỷ lệ 1/1000							Tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, bồi thường (m2)	Nguồn gốc đất	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trên địa bàn xã (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Hộ gia đình, cá nhân có trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đang sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên toàn địa phương (có thì ghi là có, không thì ghi là không)	Ghi chú		
			Ngày cấp	Số sổ	Số vào sổ	Diện tích	Đất ở	Đất vườn	Đất NN		Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	DT đo vẽ (m2)	Diện tích QH (m2)	DT ngoài QH đã thu hồi (m2) hoàn	DT còn lại (m2)							Thu hồi	Loại đất
13	UBND xã Minh Long	Thôn 3, xã Minh Long									2	165	1570,6	1228,5		342,1	1228,5	SON		Đất UBND xã quản lý					
												2	166	153,6	143,9		9,7	143,9	SON		Đất UBND xã quản lý				
												2	169	1189,6	231,5		958,1	231,5	DGT		Đất UBND xã quản lý				
												5	334	2542,8	1677,1		865,7	1677,1	SON		Đất UBND xã quản lý				
												5	336	12429,3	6847,8		5581,5	6847,8	SON		Đất UBND xã quản lý				
												5	339	775,3	221,6		553,7	221,6	DGT		Đất UBND xã quản lý				
												5	442	67,7	67,7		0,0	67,7	CLN		Đất UBND xã quản lý				
												5	557	6,5	4,9		1,6	4,9	DTL		Đất UBND xã quản lý				
												5	558	1655,0	884,1		770,9	884,1	DGT		Đất UBND xã quản lý				
												5	559	5683,1	2373,6		3309,5	2373,6	SON		Đất UBND xã quản lý				
Tổng cộng												49713,0	18542,2	51,2	31119,6	18593,4									